

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 287/TTr-STNMT ngày 21/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Phát triển hạ tầng công nghiệp Cửu Long, địa chỉ trụ sở chính tại Lô DV1, Khu công nghiệp (KCN) Việt Hàn, phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tăng Tiến” tại xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên (nay là phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tăng Tiến.

1.2. Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Phát triển hạ tầng công nghiệp Cửu Long.

1.3. Địa điểm hoạt động: phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400819703 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 28/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/3/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 1137672305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 17/3/2020, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 22/7/2022.

1.5. Mã số thuế: 2400819703.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp (CCN), gồm các ngành, nghề đã được UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận¹, cụ thể: Chế biến nông lâm sản, thực phẩm; Thiết bị, dụng cụ vật tư cho y tế; Cơ khí, chế tạo máy; Linh kiện điện tử; Các ngành công nghiệp phụ trợ. Ngành công nghiệp gia dụng (sản xuất các sản phẩm từ plastic); Ngành công nghiệp vỏ hộp bao bì (sản xuất thùng hộp carton từ bán thành phẩm, sản xuất vỏ bao và sản phẩm PE, PP, PVC); Cho thuê nhà xưởng. Sản xuất, lắp ráp, gia công thiết bị điện, điện tử, điện lạnh; Chế biến dược phẩm, hóa dược, mỹ phẩm, thuốc thú y; Sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy; cho thuê kho nhà xưởng.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)².

- Tổng diện tích của dự án là 36,47 ha, trong đó diện tích đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đề nghị cấp phép là 34,65 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Phát triển hạ tầng công nghiệp Cửu Long được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Phát triển hạ tầng công nghiệp Cửu Long có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

¹ tại các Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 06/02/2018, Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 và Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 16/11/2022.

² tại STT 5, mục II, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Công ty TNHH Phát triển hạ tầng công nghiệp Cửu Long có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, UBND thị xã Việt Yên để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tăng Tiến” tại xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên do Công ty TNHH Phát triển hạ tầng công nghiệp Cửu Long làm Chủ dự án (*trừ các nội dung yêu cầu Chủ dự án tiếp tục thực hiện tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này*) và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Tăng Tiến” tại phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Phát triển hạ tầng công nghiệp Cửu Long được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 165/QĐ-TNMT ngày 01/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương; UBND thị xã Việt Yên; UBND phường Tăng Tiến; Công ty TNHH Phát triển hạ tầng công nghiệp Cửu Long và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Phát triển hạ tầng công nghiệp Cửu Long (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 03 nguồn.

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành tại trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 2: Nước thải từ khu vực ép bùn.
- Nguồn số 3: Nước thải công nghiệp từ các cơ sở thứ cấp trong CCN Tăng Tiến.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải công nghiệp sau khi xử lý được xả thải ra môi trường tiếp nhận

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu chính trạm bơm Cống Bùn đoạn thuộc phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

2.2. Vị trí xả thải:

+ Kênh tiêu chính trạm bơm Cống Bùn đoạn thuộc phường Tăng Tiến, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

+ Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiều 3^0 : X=2350327; Y= 411944.

+ Điểm xả thải có sàn thao tác, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.500 m³/ngày đêm (24 giờ)

2.3.1. Phương thức xả thải: tự chảy. Nước thải sau xử lý chảy về mương quan trắc tự động, sau đó dẫn qua đường ống HDPE D500 dài 48m ra kênh tiêu chính trạm bơm Cống Bùn, chảy về trạm bơm rồi ra sông Thương.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT -Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A; $K_q=0,9$; $K_f=1$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	Không áp dụng	Chưa lắp đặt
2	pH	-	6 đến 9		
3	COD	mg/l	67,5		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
6	Tổng nitơ	mg/l	18	03 tháng/lần	Không áp dụng
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,6		
8	Màu	Pt/Co	50		
9	BOD5 (20oC)	mg/l	27		
10	Asen	mg/l	0,045		
11	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
12	Chì	mg/l	0,09		
13	Cadimi	mg/l	0,045		
14	Crom (VI)	mg/l	0,045		
15	Crom (III)	mg/l	0,18		
16	Đồng	mg/l	1,8		
17	Kẽm	mg/l	2,7		
18	Niken	mg/l	0,18		
19	Mangan	mg/l	0,45		
20	Sắt	mg/l	0,9		
21	Tổng xianua	mg/l	0,063		
22	Tổng phenol	mg/l	0,09		
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
24	Sunfua	mg/l	0,18		
25	Florua	mg/l	4,5		
26	Clorua	mg/l	450		
27	Clo dư	mg/l	0,9		
28	Coliform	vi khuẩn/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung (HTXLNTTT) công suất 1.500 m³/ngày (24 giờ) để xử lý

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà điều hành tại trạm xử lý nước thải tập trung: nước thải đen từ xí tiều được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn (01 bể 2m³) để xử lý sơ bộ cùng với nước thải xám từ nước rửa lavabo và nước thoát sàn qua song chắn rác được thu về bể gom nước thải của HTXLNTTT để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hệ thống ép bùn được thu gom bằng đường ống PVC 110 đưa về bể gom nước thải của HTXLNTTT để xử lý.

- Đối với nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN Tăng Tiến được xử lý cục bộ bằng hệ thống xử lý nước thải của từng đơn vị đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống công thu gom nước thải chung của CCN và dẫn về bể gom nước thải của HTXLNTTT để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500 m³/ngày (24 giờ):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể Tách cát, dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng vi sinh → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động → Nguồn tiếp nhận là kênh tiêu chính trạm bơm Cống Bún.

- Hóa chất sử dụng: NaOCl (8%), NaOH (32%), PAC (17%), A- Polymer, Chất dinh dưỡng (Methanol) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

- Công suất thiết kế 1.500 m³/ngày (24 giờ).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) theo quy định, hoàn thành trước thời điểm lấy mẫu vận hành thử nghiệm trạm XLNTTT, chậm nhất trước ngày 31/12/2024, cụ thể:

- Số lượng: 01 trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục.
- Vị trí lắp đặt: tại mương quan trắc đo lưu lượng nước thải sau xử lý.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N).
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: phải lắp camera theo dõi, giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử

lý phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

Dự án đã xây dựng 01 hồ sự cố dung tích thiết kế 3.000 m³. Hồ sự cố được thiết kế đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật xây dựng.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: thường xuyên kiểm tra việc xả thải của các doanh nghiệp thứ cấp thông qua các hồ ga nước thải đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; Lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải của các doanh nghiệp này.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành HTXLNTTT, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của trạm XLNT tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

b) Phương án ứng phó sự cố:

- Trường hợp HTXLNTTT bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải được dẫn về lưu chứa tại các hồ sự cố. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của HTXLNTTT, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể thu gom nước thải của HTXLNTTT để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 11/2024 đến tháng 4/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: HTXLNTTT công suất 1.500 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ 01 vị trí nước thải đầu vào tại bể gom nước thải;

+ 01 vị trí tại trạm quan trắc sau khi xử lý qua HTXLNTTT, trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Tần suất lấy mẫu	Thông số quan trắc	Số lượng mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
<i>I</i>	<i>Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình</i>				
	- Lấy mẫu nước thải trong thời gian ít nhất 75 ngày - Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu 15 ngày/lần	Màu, Nhiệt độ, TSS, COD, Amoni (tính theo N), pH, BOD5 (20oC), Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Coliform.	01 mẫu tổ hợp đầu vào (tại bể gom) và 01 mẫu tổ hợp đầu ra của hệ thống xử lý (tại mương quan trắc)	Lần 1: Ngày 04/11/2024 Lần 2: Ngày 19/11/2024 Lần 3: Ngày 04/12/2024 Lần 4: Ngày 19/12/2024 Lần 5: Ngày 04/01/2025	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A ($K_q=0,9$ và $K_f=1$)
<i>II</i>	<i>Giai đoạn vận hành ổn định</i>				
	Lấy mẫu nước thải trong 03 ngày liên tiếp	Màu, Nhiệt độ, TSS, COD, Amoni, pH, BOD ₅ (20°C), Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Coliform.	01 mẫu đơn nước thải đầu vào (tại bể gom) 01 mẫu đơn nước thải đầu ra (tại mương quan trắc)	Lấy 01 lần: Ngày 13/01/2025 Lần 1: Ngày 13/01/2025 Lần 2: Ngày 14/01/2025 Lần 3: Ngày 15/01/2025	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A ($K_q=0,9$ và $K_f=1$)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành HTXLNTTT phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu

có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Khẩn trương lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và phải được truyền dẫn dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, hoàn thành trước thời điểm lấy mẫu vận hành thử nghiệm HTXLNTTT, chậm nhất trước ngày 31/12/2024.

Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Chủ dự án được miễn trách nhiệm quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn.

+ Nguồn số 1: Khu vực đặt hệ thống máy thổi khí của Trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Nguồn số 2: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng của Trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107⁰, múi chiều 3⁰)

+ Vị trí 1: Tọa độ X= 2350360; Y= 411896.

+ Vị trí 2: Tọa độ X= 2350363; Y= 411904.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung); cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 -21 giờ (dBA)	Từ 21 -6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su chống ồn được lắp tại chân của các máy móc, thiết bị.

- Các thiết bị máy phát điện, máy thổi khí được đặt trong phòng kín, giảm âm và cách âm ra bên ngoài hiệu quả hơn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.

- Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng 102.530 kg/năm, cụ thể:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Dầu bôi trơn động cơ, hộp số, dầu bôi trơn, dầu tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	50	NH
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	100.000	KS
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	160	KS
4	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	150	KS
5	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	2.000	KS
6	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	100	KS
7	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	50	NH
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	20	NH
Tổng cộng				102.530	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 7.855 kg/năm, cụ thể:

TT	Tên chất thải	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	5
2	Rác từ thiết bị tách rác HTXLNTTT	50
3	Bùn nạo vét từ hồ ga thu gom nước mưa	7.800
Tổng cộng		7.855

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 6 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy và bao bì.

- Kho/khu vực lưu chất thải nguy hại: diện tích 18,8 m². Kho có mái che, tường bao quanh, nền bê tông; hố ga thu gom, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Khu vực lưu giữ bùn thải: sân phơi bùn diện tích 112,5 m². Thiết kế sàn bê tông có khả năng chống thấm, tường xây gạch lửng, mái lợp tấm lợp lấy sáng, có bố trí rãnh thu và hố thu để thu gom nước thải về bể gom nhà máy xử lý nước thải tập trung (xây dựng sân phơi bùn phải hoàn thành trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm).

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy và bao bì.

- Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng đựng có nắp đậy và bao bì.

- Thùng đựng và bao bì chứa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất (nếu có) và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

5. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn tiếp theo đã được phê duyệt trong Quyết định 1344/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang mà Chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường bao gồm các nội dung sau:

- Hoàn thiện giải phóng mặt bằng, pháp lý về đất đai và cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên phần diện tích còn lại là 1,82 ha của dự án. Trong đó: đất công nghiệp (0,66 ha), đất hành chính-dịch vụ (0,16 ha), đất cây xanh-mặt nước (0,72 ha), đất giao thông-bến bãi (0,28 ha). Sau khi hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên phần diện tích đất còn lại nêu trên theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang để được xem xét cấp giấy phép môi trường cho toàn bộ dự án theo đúng quy định.

- Hoàn thiện việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục cho HTXLNTTT của dự án và truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Nguồn khí thải không phải kiểm soát bao gồm khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom và xả trực tiếp ra môi trường qua ống thải bên ngoài nhà đặt máy phát điện. Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch), thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông

thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

- Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường. Bảo đảm tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 287/TTr-STNMT ngày 21/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án./.